

Số: /CT-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

CHỈ THỊ

Về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026

Năm 2025, tình hình thế giới biến động phức tạp, khó lường, nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt là chính sách thuế quan của Mỹ và cạnh tranh chiến lược nước lớn, triển vọng tăng trưởng toàn cầu suy giảm; khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo phát triển mạnh mẽ, mang lại cả cơ hội và thách thức đối với các quốc gia. Trong nước, cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp được thực hiện quyết liệt; đẩy mạnh các đột phá chiến lược góp phần tạo động lực mạnh mẽ đưa đất nước phát triển.

Năm 2026 là năm diễn ra Đại hội lần thứ XIV của Đảng, tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, cũng là năm đầu triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030; nền kinh tế trong nước, trong tỉnh bên cạnh những thuận lợi là cơ bản, dự báo còn tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức. Để tổ chức thực hiện tốt Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2026, đòi hỏi các cấp, các ngành không ngừng đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, phát huy thành quả đã đạt được, tận dụng tối đa tiềm năng, thế mạnh, tiếp tục khắc phục những hạn chế, yếu kém, vượt qua các khó khăn, thách thức, tạo tiền đề thuận lợi cho kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển mạnh mẽ trong giai đoạn tới; trong bối cảnh đó, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường khẩn trương xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 với các yêu cầu, nhiệm vụ chủ yếu như sau:

I. NHIỆM VỤ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2026

1. Yêu cầu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026

1.1. Đối với đánh giá kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2025

a) Bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển đề ra tại kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 và theo các nghị quyết, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị; các nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ; quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ; các nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ và HĐND các cấp về phát triển kinh tế - xã hội năm 2025.

b) Đánh giá thực chất, bảo đảm tính khách quan, trung thực, sát thực tiễn về

tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, so sánh với năm 2024 và các năm 2021 - 2024, bao gồm: các mục tiêu, nhiệm vụ về phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2025; phân tích, đánh giá những kết quả đạt được trong xây dựng thể chế, phát triển kinh tế, xã hội, kết cấu hạ tầng, môi trường, cải cách hành chính, phát triển kinh tế tư nhân, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, quốc phòng, an ninh...; các tồn tại, hạn chế, trong đó phân tích kỹ các nguyên nhân chủ quan và khách quan; xác định các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, đột phá trong những tháng cuối năm để hoàn thành kế hoạch năm 2025.

1.2. Đối với xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026

a) Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 phải được xây dựng trên cơ sở đánh giá đầy đủ, chính xác, khách quan tình hình, dự kiến kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 và dự báo tình hình thế giới, trong nước, trong tỉnh; phân tích, dự báo, chủ động phương án, kịch bản, giải pháp đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, đảm bảo mục tiêu tăng trưởng hai con số.

b) Mục tiêu, định hướng và giải pháp phải bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, các Nghị quyết, Kết luận của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ; phải có tính phấn đấu cao, đảm bảo tính khả thi, phù hợp với khả năng thực hiện của các cấp, các ngành, gắn với khả năng cân đối, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; đồng thời, đảm bảo “rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian, rõ kết quả” và lượng hóa được.

c) Kế hoạch của các ngành, địa phương, đơn vị phải phù hợp với Nghị quyết số 58-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, quy hoạch tỉnh, phấn đấu đạt mục tiêu theo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh; phù hợp với đặc điểm, trình độ phát triển của từng ngành, từng địa phương; bám sát dự báo, đánh giá tình hình, bối cảnh quốc tế, trong nước và trong tỉnh trong thời gian tới; đồng thời, đảm bảo kế thừa, phát huy những thành quả đã đạt được, có đổi mới và tiếp thu, tiếp cận xu hướng phát triển chung của khu vực và thế giới, cũng như khắc phục những tồn tại, hạn chế trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

d) Việc đề xuất các chỉ tiêu theo ngành, lĩnh vực phải: (i) Thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; trường hợp chỉ tiêu đề xuất không thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia phải có định nghĩa, khái niệm, phương pháp tính rõ ràng, phù hợp với quy định, bảo đảm tính chính xác, đồng bộ, thống nhất về thông tin, số liệu thống kê trên phạm vi cả nước, phục vụ tốt công tác theo dõi, đánh giá và xây dựng kế hoạch; bảo đảm nguồn lực thực hiện trên nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả; (ii) bảo đảm khả năng thu thập thông tin, theo dõi liên tục, đánh giá định kỳ; không đề xuất các chỉ tiêu chuyên ngành phức tạp, chủ yếu phục vụ mục đích nghiên cứu; (iii) bảo đảm tính khả thi, dễ hiểu, có khả năng so sánh với dữ liệu quá khứ; (iv) bảo đảm tính gắn kết chặt chẽ và phản ánh trực tiếp tình hình thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu; (v) phù hợp với thông lệ quốc tế.

2. Nội dung chủ yếu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026

Các ngành, địa phương, đơn vị căn cứ yêu cầu tại khoản 1 mục I nêu trên, xây dựng báo cáo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 với các nội dung chủ yếu sau:

2.1. *Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025*

Trên cơ sở tình hình, kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm, các ngành, địa phương, đơn vị tổ chức đánh giá và ước thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 trên tất cả các ngành, lĩnh vực được phân công theo dõi, quản lý. Nội dung đánh giá phải đầy đủ, thực chất, chính xác các kết quả đạt được (đặc biệt cần nêu rõ thành tựu nổi bật, thành tựu mới; so sánh với kết quả thực hiện năm 2024); những khó khăn, hạn chế và nguyên nhân cụ thể để có biện pháp khắc phục; từ đó rút ra bài học kinh nghiệm trong thực hiện kế hoạch năm 2025. Cụ thể:

a) Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao, đánh giá đầy đủ các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 592/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 01/01/2025 của UBND tỉnh ban hành kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2025, Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 01/01/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình công tác năm 2025 của UBND tỉnh và Công văn số 3566-KL/TU ngày 04/6/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; báo cáo đầy đủ việc thực hiện các chỉ tiêu được giao tại Phụ lục kèm theo. Trong đó, tập trung đánh giá một số vấn đề trọng tâm sau:

- Kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 37/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025. Tình hình triển khai thực hiện quy hoạch và kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040; kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh; phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2025 cấp huyện; việc đẩy nhanh tiến độ lập, thẩm định, trình phê duyệt các quy hoạch phân khu chức năng, quy hoạch chi tiết xây dựng; rà soát, điều chỉnh những bất cập, chưa thống nhất giữa các loại quy hoạch, tạo thuận lợi cho việc thu hút đầu tư.

- Tập trung rà soát, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn về thể chế, cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền của tỉnh, tạo chuyển biến thực sự rõ nét trên các lĩnh vực, trọng tâm là thủ tục đầu tư kinh doanh, tiếp cận đất đai, giải phóng mặt bằng, giao đất, cho thuê đất, tính tiền sử dụng đất, chất lượng nguồn nhân lực... Rà soát, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của tỉnh về quy định chi tiết một số điều của các luật mới ban hành; đồng thời, tập trung giải quyết những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh.

- Các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống là đầu tư, tiêu dùng và xuất khẩu; thúc đẩy các động lực tăng trưởng mới, nhất là chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, tạo nền tảng phát triển mô hình kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ; thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; kết quả phát triển các ngành kinh tế thuộc khu vực: nông, lâm nghiệp và thủy sản, công nghiệp - xây dựng, dịch vụ.

- Kết quả thực hiện các biện pháp quản lý thu, chống thất thu, giảm nợ đọng thuế; quản lý chặt chẽ việc sử dụng chi ngân sách nhà nước để tập trung nguồn lực phục vụ cho đầu tư phát triển và các nhiệm vụ cấp bách. Việc rà soát, kiểm kê, xử lý, sắp xếp tài sản công, nhất là cơ sở nhà, đất tại các đơn vị sáp nhập.

- Công tác cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Công tác cải cách hành chính; việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính. Duy trì và cải thiện các chỉ số thành phần có xếp hạng tốt, tập trung khắc phục những chỉ số thành phần có xếp hạng thấp của các chỉ số: PCI, PAPI, PAR INDEX, SIPAS. Hiệu quả hoạt động công tác đối ngoại và xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư trực tiếp; nâng cao hiệu quả quản lý vốn đầu tư công; tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng theo hướng đồng bộ, hiện đại; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình giao thông lớn, trọng điểm tạo thành mạng lưới giao thông hợp lý, kết nối thuận lợi trong và ngoài tỉnh, kết nối các vùng, trung tâm kinh tế động lực. Phát triển hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, hạ tầng đô thị, hạ tầng du lịch, hạ tầng điện, hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển đô thị xanh, thông minh, hiện đại, thân thiện với môi trường...

- Tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương về phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh; kết quả phát triển doanh nghiệp và các giải pháp phát triển doanh nghiệp, phát triển kinh tế tư nhân thành một trong những động lực quan trọng nhất cho tăng trưởng.

- Kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/2/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Nghị định số 88/2025/NĐ-CP ngày 13/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 193/2025/QH15.

- Phát triển các lĩnh vực văn hóa, bảo đảm gắn kết hài hòa giữa phát triển kinh tế; đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng giáo dục đại trà, duy trì chất lượng giáo dục mũi nhọn; tăng cường các điều kiện về đội ngũ nhà giáo, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, từng bước khắc phục tình trạng thừa thiếu, giáo viên tại các địa phương; nâng cao chất lượng hệ thống chính sách xã

hội, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe của Nhân dân; công tác phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiệu quả, hội nhập quốc tế.

- Tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; thực hiện đồng bộ, hiệu quả các cơ chế, chính sách, giải pháp chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai; đảm bảo an ninh nguồn nước.

- Công tác sắp xếp tổ chức bộ máy chính trị, xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp theo chủ trương của Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; thu hút và trọng dụng nhân tài; khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; tinh giản biên chế, siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính.

- Củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định và thuận lợi cho kinh tế - xã hội phát triển. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tiếp công dân, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

b) Các xã, phường (sau sắp xếp) căn cứ hướng dẫn có liên quan và tình hình thực tế của địa phương để đánh giá tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2025.

2.2. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026

Các ngành, địa phương, đơn vị cần nghiên cứu, xác định các vấn đề cơ bản, cốt lõi, trọng yếu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026, tập trung vào các nội dung chủ yếu sau:

a) Bối cảnh xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026, bao gồm nhận định, phân tích những cơ hội, thuận lợi, thách thức, rủi ro của bối cảnh trong nước, khu vực và quốc tế tác động đến việc xây dựng và thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

b) Mục tiêu tổng quát của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026.

c) Chỉ tiêu chủ yếu; trong đó tập trung cân đối các chỉ tiêu chủ yếu phù hợp với tình hình thực tiễn và hệ thống chỉ tiêu chủ yếu về kinh tế - xã hội trong Báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030 đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy thống nhất tại Kết luận số 3566-KL/TU ngày 04/6/2025.

d) Các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu

Định hướng, nhiệm vụ chủ yếu năm 2026 của các ngành, địa phương, đơn vị phải đảm bảo thống nhất với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2026 - 2030; đồng thời, phải phù hợp với điều kiện thực tiễn và trình độ phát triển của từng ngành, từng địa phương, đơn vị; trong đó:

- Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án, cơ chế, chính sách cụ thể hóa Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị, các cơ chế, chính sách đặc thù theo Nghị quyết số 37/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội; kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại buổi làm việc với

lãnh đạo tỉnh. Khẩn trương lập, trình phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; lập, trình phê duyệt các quy hoạch phân khu chức năng, quy hoạch chi tiết xây dựng trên địa bàn; rà soát, điều chỉnh những bất cập, chồng chéo, chưa thống nhất giữa các loại quy hoạch; tiếp tục hoàn chỉnh đồng bộ hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách; tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn, để thúc đẩy phát triển toàn diện trên các lĩnh vực.

- Rà soát, bổ sung, hoàn thiện thể chế gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật theo Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, chuyển từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm”, giảm chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền, đảm bảo cơ sở pháp lý đồng bộ cho hoạt động của bộ máy nhà nước theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

- Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, tăng cường sức chống chịu của nền kinh tế; trọng tâm là:

- + Chuyển mạnh từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp; tiếp tục tích tụ đất đai để phát triển các vùng sản xuất tập trung, vùng chuyên canh hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao; đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái, tập trung vào các sản phẩm chủ lực tỉnh có lợi thế, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị. Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại tập trung, công nghệ cao, theo chuỗi giá trị, đảm bảo an toàn môi trường đối với các vật nuôi và sản phẩm chủ lực. Quản lý chặt chẽ các dự án chăn nuôi lợn hiện có, yêu cầu khắc phục khẩn trương các cơ sở gây ô nhiễm môi trường theo quy định. Phát triển lâm nghiệp gắn với nâng cao giá trị kinh tế rừng sản xuất kết hợp với phát triển du lịch và kinh doanh tín chỉ các-bon rừng; tăng cường chế biến sâu các sản phẩm lâm nghiệp, phát triển vùng nguyên liệu gắn với cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC). Phát triển thủy sản trở thành ngành sản xuất hàng hóa lớn, chất lượng cao, hướng mạnh đến xuất khẩu. Đổi mới tư duy, hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh các sản phẩm OCOP theo hướng thực chất, hiệu quả, có chất lượng ổn định, khối lượng hàng hóa lớn, có uy tín, thương hiệu mạnh để vươn tới các thị trường lớn trong nước và quốc tế. Đẩy mạnh thu hút doanh nghiệp và khuyến khích phát triển các loại hình kinh tế hợp tác để tăng cường liên doanh, liên kết, khắc phục tình trạng nhỏ lẻ, manh mún trong sản xuất nông nghiệp.

- + Đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh để phát triển công nghiệp theo chiều sâu, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị tăng thêm và năng lực cạnh tranh của sản phẩm. Ưu tiên phát triển mạnh công nghiệp chế biến, chế tạo để sớm trở thành một trong những trung tâm lớn của vùng Bắc Trung bộ và cả nước về công nghiệp chế biến, chế tạo, làm nền tảng thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp, hiện đại. Thường xuyên nắm bắt tình hình hoạt động của doanh nghiệp, kịp thời hỗ trợ giải quyết khó khăn, vướng mắc đảm bảo doanh

nghiệp sản xuất, tiêu thụ sản phẩm ổn định, nhất là các sản phẩm có khả năng gia tăng sản lượng, phát huy tối đa công suất để bù đắp phần thiếu hụt giá trị sản xuất công nghiệp cho các sản phẩm có sản lượng giảm. Tập trung giải quyết những khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án công nghiệp, nhất là các dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Phát triển tiểu thủ công nghiệp gắn với khôi phục các nghề truyền thống, nhân cấy nghề mới đối với những sản phẩm có thị trường tiêu thụ tốt để tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân. Phát triển ngành xây dựng đạt trình độ cao trong các lĩnh vực thiết kế, xây dựng công trình, vật liệu xây dựng, phát triển đô thị và nhà ở theo hướng đô thị xanh, thông minh. Tăng cường quản lý thị trường bất động sản, đảm bảo phát triển lành mạnh, đúng định hướng. Đẩy mạnh xây dựng nhà ở cho đối tượng có thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp, tạo điều kiện để người có thu nhập thấp có nhà ở an toàn, ổn định.

+ Thực hiện cơ cấu lại ngành dịch vụ dựa trên nền tảng kinh tế số, công nghệ hiện đại và đẩy mạnh xã hội hóa. Tổ chức tốt các kênh phân phối hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng; quan tâm phát triển thương mại điện tử gắn với tăng cường quản lý nhà nước. Đẩy mạnh xuất khẩu, tiếp tục củng cố, nâng cao thị phần các thị trường truyền thống, khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại tự do để mở rộng và đa dạng hóa thị trường xuất nhập khẩu. Tập trung phát triển 3 loại hình du lịch chính, gồm: du lịch biển, du lịch sinh thái cộng đồng và du lịch tìm hiểu văn hóa, lịch sử; đồng thời, phát triển thêm các sản phẩm dịch vụ du lịch kết hợp như du lịch nghỉ dưỡng và chăm sóc sức khỏe, du lịch khám phá biển đảo, hội nghị, hội thảo... để khắc phục tính mùa vụ của du lịch. Phát triển dịch vụ logistics gắn với vận tải đa phương thức, nhất là kết nối vận tải đường bộ - đường biển nhằm đẩy mạnh xuất nhập khẩu hàng hóa qua Cảng biển Nghi Sơn. Phát triển đồng bộ, hợp lý và tăng cường kết nối giữa các loại hình vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không; tiếp tục mở mới các đường bay đi - đến Cảng hàng không Thọ Xuân, trong đó có đường bay quốc tế. Phát triển các dịch vụ tài chính, ngân hàng, viễn thông, công nghệ thông tin theo hướng hiện đại, đa dạng các sản phẩm và tiện ích theo chuẩn quốc tế.

- Tập trung đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng đồng bộ, hiện đại. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công, ưu tiên bố trí vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện và hoàn thành các dự án trọng điểm, có tác động lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đồng thời, khẩn trương rà soát các dự án đầu tư công, nhất là các dự án do cấp huyện quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư chưa thật sự cấp bách, không đảm bảo khả năng cân đối vốn, kiên quyết dừng thực hiện để tránh lãng phí ngân sách nhà nước. Đẩy mạnh thu hút đầu tư phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng Khu kinh tế Nghi Sơn; từng bước hình thành khu kinh tế, khu công nghiệp, khu đô thị sinh thái ven biển. Đẩy mạnh phát triển hệ thống đô thị theo hướng xanh, thông minh, hiện đại, bền vững, giàu bản sắc xứ Thanh.

- Đẩy mạnh cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh; duy trì và cải thiện các chỉ số thành phần có xếp hạng tốt, tập trung khắc phục những chỉ số

thành phần có xếp hạng thấp của các chỉ số PCI, SIPAS, PAR INDEX, PAPI. Đổi mới mạnh mẽ hoạt động xúc tiến đầu tư; thu hút vốn đầu tư trực tiếp trong nước và nước ngoài có chọn lọc; ưu tiên vận động thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các dự án quy mô lớn, có giá trị gia tăng cao, công nghệ hiện đại, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu, thân thiện với môi trường.

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 68-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương về phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh. Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ doanh nghiệp, bảo đảm theo nguyên tắc thị trường để thực hiện trong giai đoạn 2026 - 2030. Tổ chức triển khai có hiệu quả, kịp thời các chính sách tài khóa trung ương đã ban hành để tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Thực hiện cơ chế thị trường, không phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế trong huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực vốn, đất đai, tài nguyên, tài sản, công nghệ, nhân lực, dữ liệu và các nguồn lực tài nguyên khác.

- Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng trong các ngành, lĩnh vực chủ lực. Thu hút, huy động, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, phát triển kinh tế số, xã hội số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ.

- Đẩy mạnh, nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thông tin, báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình. Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 04/7/2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng, phát triển văn hóa và con người Thanh Hóa trong thời kỳ mới. Phát huy hiệu quả các giá trị lịch sử, văn hóa, cách mạng. Tăng cường quản lý, bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hóa. Đẩy mạnh phát triển thể dục, thể thao quần chúng; duy trì thể thao thành tích cao trong nhóm dẫn đầu cả nước.

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, duy trì chất lượng giáo dục mũi nhọn trong nhóm dẫn đầu cả nước. Nghiên cứu xây dựng chính sách, lộ trình miễn, giảm học phí cho học sinh các trường công lập trên địa bàn tỉnh. Tập trung khắc phục triệt để tình trạng thừa, thiếu giáo viên ở các cấp học. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với tạo việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động, phù hợp với định hướng phát triển các ngành kinh tế của tỉnh.

- Tập trung phát triển các dịch vụ y tế chất lượng cao, kỹ thuật chuyên sâu; tăng cường chuyển giao kỹ thuật bệnh viện tuyến trên cho tuyến dưới. Đổi mới, nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế tự chủ trong các bệnh viện công lập, bảo đảm phù hợp, khả thi. Đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ y tế, ưu tiên thu hút đầu tư các dự án bệnh viện tư nhân hiện đại đạt tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế; tăng cường công

tác quản lý hoạt động kinh doanh dược phẩm, hành nghề y tế tư nhân trên địa bàn tỉnh. Chú trọng phát triển nhân lực y tế có trình độ cao.

- Hoàn thiện hệ thống thông tin thị trường lao động; nâng cao chất lượng dự báo cung, cầu lao động, hiệu quả kết nối cung - cầu lao động, hỗ trợ người lao động tìm kiếm việc làm. Tăng cường triển khai chương trình dạy nghề cho người trong độ tuổi lao động; hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động thuộc hộ nghèo, dân tộc thiểu số; thúc đẩy liên kết, hợp tác giữa doanh nghiệp với các cơ sở dạy nghề để đào tạo nghề, gắn với tuyển dụng lao động. Đẩy mạnh các giải pháp phát triển đối tượng tham gia BHXH, BHYT, BHTN; triển khai đồng bộ các biện pháp, khắc phục cơ bản tình trạng nợ đóng BHXH trong các doanh nghiệp.

- Tập trung thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các chương trình, chính sách hỗ trợ giảm nghèo, an sinh xã hội. Thực hiện tốt công tác dân tộc, tôn giáo, góp phần tăng cường tinh thần đoàn kết, giữ vững ổn định tình hình trên địa bàn.

- Quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên thiên nhiên; tăng cường công tác bảo vệ môi trường tại các khu vực có nguy cơ ô nhiễm cao. Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo sớm thiên tai; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai trên địa bàn; chủ động xây dựng kế hoạch, phương án điều tiết, bảo đảm đủ nước cho sản xuất nông nghiệp.

- Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp có dấu hiệu tiêu cực, gây khó khăn, phiền hà trong thực thi công vụ theo quy định; kịp thời động viên, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc. Nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng.

- Củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Chủ động đấu tranh, trấn áp các loại tội phạm; thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo đảm an toàn giao thông và phòng, chống cháy nổ. Tiếp tục triển khai hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế sâu rộng, chú trọng triển khai công tác ngoại giao kinh tế nhằm thu hút các nguồn lực bên ngoài phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

II. NHIỆM VỤ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2026; KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NSNN 03 NĂM 2026 - 2028

1. Đối với dự toán NSNN năm 2026

1.1. Về dự toán thu NSNN

Dự toán thu NSNN năm 2026 phải được xây dựng theo đúng chính sách, chế độ hiện hành, đảm bảo thu đúng, thu đủ và kịp thời các nguồn thu của NSNN, tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm và dịch chuyển nguồn thu do thay đổi chính sách pháp luật về ngân sách, thuế, phí, lệ phí và thực hiện lộ trình cắt giảm thuế, dự báo tình hình kinh tế, tài chính thế giới và trong nước. Tăng cường công tác quản lý, chống thất thu; quản lý có hiệu quả các nguồn thu mới, quyết liệt xử lý nợ đọng thuế và kiểm soát chặt chẽ hoàn thuế.

Phân đầu dự toán thu nội địa năm 2026 (không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, tiền bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ tức, lợi nhuận sau thuế) bình quân cả tỉnh tăng khoảng 10 - 12% so với ước thực hiện năm 2025 (đã loại trừ các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách), mức tăng trưởng tại từng phường, xã phù hợp với tăng trưởng kinh tế và nguồn thu phát sinh trên địa bàn. Dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu năm 2026 tăng bình quân khoảng 5 - 7% so với ước thực hiện năm 2025.

Toàn bộ số thu từ xử lý, khai thác tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công (bao gồm cả thu từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng), thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp sau khi trừ đi các chi phí có liên quan theo quy định của pháp luật được tổng hợp đầy đủ và thực hiện nộp NSNN theo đúng quy định của pháp luật.

1.2. Về dự toán chi NSNN

Xây dựng dự toán chi NSNN năm 2026 đảm bảo các quy định của pháp luật; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ NSNN; định hướng mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2026 - 2030 và mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026; phù hợp theo nguồn thu của ngân sách địa phương (bao gồm thu ngân sách trên địa bàn được hưởng theo phân cấp, số bổ sung cân đối và bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên); đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại ngân sách gắn với việc đẩy mạnh sắp xếp lại tổ chức bộ máy, xây dựng chính quyền địa phương 02 cấp theo các Nghị quyết và Kết luận của Trung ương và Bộ Chính trị; ưu tiên các nhiệm vụ theo Nghị quyết số 57-NQ/TW và số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị (gồm cả chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên) theo đúng chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Đối với cấp xã, khi xây dựng dự toán chi NSDP năm 2026 phải căn cứ nguồn thu được hưởng theo phân cấp, tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách, số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên và số bổ sung có mục tiêu (nếu có).

Quản triệt nguyên tắc công khai, minh bạch và yêu cầu thực hành tiết kiệm chống lãng phí theo Nghị quyết số 74/2022/QH15 của Quốc hội ngay từ khâu xác định nhiệm vụ, đảm bảo việc thực hiện các nhiệm vụ thống nhất từ khâu lập dự toán đến triển khai phân bổ, quản lý, sử dụng NSNN; xây dựng dự toán sát khả năng thực hiện phân bổ trước ngày 31/12, hạn chế tối đa việc hủy dự toán và chuyển nguồn sang năm sau. Chủ động rà soát các chính sách, nhiệm vụ trùng lặp, sắp xếp thứ tự ưu tiên các khoản chi thực hiện theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện năm 2026. Chỉ trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách, đề án, nhiệm vụ mới khi thực sự cần thiết và có nguồn bảo đảm; xác định các khoản giảm chi thường xuyên và chi đầu tư gắn với việc sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc cho chủ trương.

Trong đó, lưu ý một số nội dung như sau:

a) Chi đầu tư phát triển

Kế hoạch đầu tư công năm 2026 phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công 2024, Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07/02/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030, Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 08/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030, Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026, quy hoạch tỉnh, quy hoạch vùng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Kế hoạch đầu tư công vốn NSNN năm 2026 bố trí cho các nhiệm vụ, dự án phải phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân của từng nhiệm vụ, dự án, bảo đảm phân bổ, giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án trước ngày 31/12/2025.

Việc bố trí vốn theo đúng nguyên tắc, thứ tự ưu tiên quy định tại Luật Đầu tư công 2024, Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07/02/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 và phải bảo đảm theo thứ tự ưu tiên sau: (i) Ưu tiên bố trí đủ vốn để thanh toán toàn bộ nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có); (ii) Bố trí đủ vốn cho các dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trước năm 2026, các dự án hoàn thành năm 2026, vốn tham gia vào các dự án PPP, vốn cho các dự án chuyển tiếp theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt; (iii) Bố trí vốn cho nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ cấp vốn điều lệ cho quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; (iv) Đối với vốn nước ngoài, số vốn bố trí phải phù hợp với nội dung của Hiệp định, cam kết với nhà tài trợ; ưu tiên bố trí đủ vốn cho các dự án kết thúc hiệp định vay nước ngoài trong năm 2026 và không có khả năng gia hạn; (v) Sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ nêu trên, số vốn còn lại bố trí cho các dự án khởi công mới đủ thủ tục đầu tư.

Đối với nguồn thu sử dụng đất: Ưu tiên bố trí vốn để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

Đối với nguồn thu xổ số kiến thiết: Bố trí toàn bộ cho chi đầu tư phát triển; trong đó, ưu tiên đầu tư cho lĩnh vực y tế; phần còn lại ưu tiên bố trí thực hiện các nhiệm vụ đầu tư phát triển quan trọng, cấp bách khác thuộc đối tượng đầu tư của ngân sách địa phương.

Đối với nguồn bội chi ngân sách địa phương: Theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, bội chi ngân sách địa phương chỉ được sử dụng để đầu tư các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công được HĐND cấp tỉnh quyết định. Do đó, các đơn vị chỉ được phép đề xuất mức bội chi ngân sách cấp tỉnh khi đáp ứng đủ các quy định và điều kiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công và

các văn bản hướng dẫn. Đồng thời, thực hiện đánh giá đầy đủ tác động của nợ ngân sách địa phương, nhu cầu huy động vốn cho đầu tư phát triển và khả năng trả nợ trong trung hạn của ngân sách địa phương trước khi đề xuất các khoản vay mới. Đối với các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, các chủ đầu tư chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan để hoàn thiện các thủ tục đầu tư theo quy định, để làm cơ sở bố trí kế hoạch vốn năm 2026; dự kiến khả năng giải ngân của từng khoản vay để xây dựng kế hoạch vay nợ và bội chi NSDP cho phù hợp.

b) Chi thường xuyên

Dự toán chi thường xuyên ngân sách năm 2026 được xây dựng theo từng lĩnh vực chi, đúng chính sách, chế độ, đúng nguồn kinh phí và các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN giai đoạn 2026 - 2030; đảm bảo nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ chính trị quan trọng (bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2030) và các nhiệm vụ, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đáp ứng đầy đủ các chế độ, chính sách đã ban hành, nhất là các chính sách an sinh xã hội, chi cho con người.

Đối với kinh phí thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, dự toán trên cơ sở Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ, chi tiết theo từng lĩnh vực chi.

Dự kiến kinh phí thực hiện chính sách miễn học phí cho học sinh phổ thông công lập, ngoài công lập; chi hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em; chi trả kinh phí miễn viện phí cho người dân; kinh phí hỗ trợ cho người trên 60 tuổi không có lương hưu...; kinh phí tiết kiệm do thực hiện sắp xếp bộ máy, xây dựng chính quyền địa phương 02 cấp, gồm giảm chi thường xuyên tại các lĩnh vực chi (quỹ lương, chi hoạt động bộ máy); giảm chi đầu tư phát triển tại các lĩnh vực chi (chi nâng cấp, cải tạo, xây dựng mới trụ sở...).

Đối với nội dung mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng thực hiện theo Nghị định số 98/2025/NĐ-CP ngày 06/5/2025 của Chính phủ và pháp luật có liên quan.

Các đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng dự toán chi thường xuyên gắn việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy trên cơ sở định hướng tại Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 Khóa XII, Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 06/12/2024 của Ban Chỉ đạo tổng kết Nghị quyết 18-NQ/TW, các văn bản pháp luật, văn bản hướng dẫn về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; không xây dựng dự toán chi thường xuyên NSNN hỗ trợ cho các dịch vụ sự nghiệp công đã hoàn thành lộ trình giá, phí từ năm 2025 trở về trước hoặc dự kiến hoàn thành trong năm 2026.

c) Cơ quan, đơn vị xây dựng, tổng hợp vào dự toán ngân sách các nhiệm vụ chi thường xuyên liên quan đến xử lý, khai thác tài sản công (trong đó có nhà, đất), cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản

kết cấu hạ tầng, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định (nếu có).

d) Đối với các dự án sử dụng nguồn vốn ODA (bao gồm vốn vay và viện trợ), nguồn vốn vay ưu đãi và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức: Căn cứ quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý nợ công, các Nghị định của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành; nội dung Hiệp định, thỏa thuận đã và sẽ ký với nhà tài trợ (đối với các Hiệp định sẽ ký, chỉ bao gồm nguồn viện trợ), tiến độ thực hiện văn kiện dự án hoặc khoản viện trợ, cơ chế tài chính (nếu có) được cấp thẩm quyền phê duyệt, các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện lập dự toán từng dự án, khoản viện trợ, vốn đối ứng (nếu có); chi tiết theo từng nguồn vốn vay, vốn viện trợ nước ngoài, theo lĩnh vực chi, cơ chế giải ngân (thực hiện ghi thu, ghi chi hoặc giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước); phân định cụ thể các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương và nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương.

e) Đối với các chương trình mục tiêu trung ương bổ sung, Chương trình MTQG (gồm cả vốn đầu tư và vốn sự nghiệp) và các chương trình mục tiêu, chính sách của địa phương: Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện giai đoạn 2021 - 2025, dự kiến giai đoạn 2026 - 2030, kế hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt, văn bản hướng dẫn của các cơ quan chức năng và khả năng triển khai thực hiện chương trình trong năm 2026, các ngành được giao nhiệm vụ quản lý chương trình căn cứ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn và mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung của từng chương trình lập dự toán chi tiết năm 2026, gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, trình HĐND tỉnh để phân bổ theo quy định.

g) Chi NSNN cho các doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện theo pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan.

h) Về dự toán tạo nguồn cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW và kinh phí điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hàng tháng (phần NSNN đảm bảo), trợ cấp ưu đãi người có công năm 2026: Các sở, ban, ngành, địa phương tiếp tục thực hiện các giải pháp tạo nguồn cải cách chính sách tiền lương theo quy định; căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện lập dự toán chi theo chế độ nhà nước ban hành.

2. Đối với kế hoạch tài chính - NSNN 3 năm 2026 - 2028

Trên cơ sở dự thảo các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; các Nghị quyết và Kết luận của Trung ương và Bộ Chính trị về cơ cấu lại ngân sách, nợ công, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới các đơn vị sự nghiệp công lập, cải cách tiền lương và bảo hiểm xã hội, sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; dự thảo Báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030; căn cứ pháp luật về NSNN, đầu tư công, nợ công và quy định của pháp luật có liên quan, định hướng

về kế hoạch tài chính, vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2026 - 2030 quốc gia và của tỉnh: (1) Giao các sở, ban, ngành và cơ quan, đơn vị dự toán cấp tỉnh lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2026 - 2028 thuộc phạm vi quản lý, gửi Sở Tài chính để tổng hợp. (2) Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2026 - 2028 cấp tỉnh, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Sở Tài chính theo chức năng, nhiệm vụ được giao, hướng dẫn các ngành, địa phương, đơn vị đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công, dự toán NSNN năm 2025 và xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công, dự toán NSNN năm 2026, kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2026 - 2028; đồng thời, chủ trì tổng hợp, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công, dự toán NSNN năm 2026, kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2026 - 2028 của tỉnh, báo cáo UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Bộ Tài chính theo quy định.

2. Căn cứ hướng dẫn của Sở Tài chính, các ngành, địa phương, đơn vị đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công, dự toán NSNN năm 2025 và xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công, dự toán NSNN năm 2026, kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2026 - 2028 của ngành, địa phương, đơn vị mình, báo cáo UBND tỉnh và gửi về Sở Tài chính trước ngày 05/7/2025 và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định, đảm bảo thời gian theo yêu cầu của Bộ Tài chính./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính (để b/c);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- Các huyện, thị, thành ủy;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THĐT. (448.2025)

CHỦ TỊCH



Đỗ Minh Tuấn

Phụ lục:
ƯỚC THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA NĂM 2025 VÀ DỰ KIẾN NĂM 2026

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2025			Dự kiến năm 2026	Cơ quan báo cáo
			Mục tiêu	Ước thực hiện cả năm	Đánh giá		
1	Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)	%	11% trở lên				Chi cục Thống kê tỉnh; Sở Tài chính
2	Cơ cấu các ngành kinh tế	%	100				
-	<i>Ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản</i>	%	12				
-	<i>Công nghiệp - Xây dựng</i>	%	51				
-	<i>Dịch vụ</i>	%	30				
-	<i>Thuế sản phẩm</i>	%	7				
3	GRDP bình quân đầu người	USD	3.750 USD trở lên				
4	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP	%					Sở Khoa học và Công nghệ
5	Tỷ trọng giá trị tăng thêm công nghiệp chế biến, chế tạo	%					Sở Công Thương
6	Thu nhập bình quân đầu người	%					Chi cục Thống kê tỉnh; Sở Tài chính
7	Sản lượng lương thực	Triệu tấn	Giữ ở mức 1,5 triệu tấn				Sở Nông nghiệp và Môi trường
8	Tổng giá trị xuất khẩu/Trị giá hàng hóa xuất khẩu	Triệu USD	8.000				Sở Công Thương
9	Tổng huy động vốn đầu tư phát triển/Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn	Tỷ đồng	140.000				Chi cục Thống kê; Sở Tài chính
10	Thu ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	45.492				Sở Tài chính
11	Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao	Ha	Tăng thêm 4.340 ha				Sở Nông nghiệp và Môi trường
	<i>Trong đó: diện tích đất sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao</i>	Ha					
12	Số doanh nghiệp thành lập mới	DN	3.000 DN trở lên				Sở Tài chính
13	Tỷ lệ đô thị hóa	%	40% trở				Sở Xây dựng

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2025			Dự kiến năm 2026	Cơ quan báo cáo
			Mục tiêu	Ước thực hiện cả năm	Đánh giá		
			lên				
14	Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội	%	9% trở lên				Chi cục Thống kê tỉnh
15	Xây dựng nông thôn mới		Thêm 02 huyện, 21 xã đạt chuẩn nông thôn mới; 02 huyện, 49 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 14 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu				Sở Nông nghiệp và Môi trường
16	Số căn hộ nhà ở xã hội được xây dựng mới	Căn hộ/nhà					Sở Xây dựng
17	Tốc độ tăng dân số	%	Dưới 1%				Chi cục Thống kê, Sở Y tế
18	Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động	%	Dưới 30%				Sở Nội vụ
19	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	75%				Sở Nội vụ
20	Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân	%	Giảm từ 1,5% trở lên				Sở Nông nghiệp và Môi trường
21	Số bác sỹ/1 vạn dân	%	13 bác sỹ				Sở Y tế
22	Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia	%	86,9% trở lên				Sở Giáo dục và Đào tạo
23	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	95% trở lên				Sở Y tế
24	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí an toàn thực phẩm	%	100%				Sở Y tế
	<i>Trong đó: Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí an toàn thực phẩm nâng cao/Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chí an toàn thực phẩm nâng cao</i>	%	34%				
25	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn, cơ quan đạt tiêu chí kiểu mẫu theo	%	30% trở lên				Sở Nội vụ

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2025			Dự kiến năm 2026	Cơ quan báo cáo
			Mục tiêu	Ước thực hiện cả năm	Đánh giá		
	lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh/Tỷ lệ xã, phường, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt tiêu chí kiểu mẫu theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh						
26	Tỷ lệ che phủ rừng	%	54				Sở Nông nghiệp và Môi trường
27	Tỷ lệ dân số nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh	%	98,5				Sở Nông nghiệp và Môi trường
	<i>Trong đó: Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế</i>	%	65				
28	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý	%	92				Sở Nông nghiệp và Môi trường
29	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự/Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự	%	80				Công an tỉnh